

Số: 444/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 31 tháng 7 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu vực vùng bãi ven sông Hồng, phía Bắc thành phố Hưng Yên (cũ)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26/11/2024;

Căn cứ Luật quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 của UBND tỉnh Ban hành Quy định phân cấp quản lý và phân công nhiệm vụ về lĩnh vực quy hoạch xây dựng, kiến trúc trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Căn cứ Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh về Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định ban hành kèm theo các Quyết định của UBND tỉnh về phân cấp và phân công nhiệm vụ trong quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; quản lý chất lượng công trình xây dựng; quy hoạch xây dựng, kiến trúc trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Công văn số 355-CV/VPTU ngày 06/6/2021 của Văn phòng Tỉnh ủy về việc tiếp nhận tài trợ nghiên cứu, khảo sát, lập quy hoạch trên địa bàn thành phố Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18/2/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phòng chống lũ, quy hoạch đề điều hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 429/QĐ-TTg ngày 21/04/2023 của Thủ tướng Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18/2/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phòng chống lũ, quy hoạch đề điều hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1392/QĐ-UNND ngày 20/6/2025 của UBND tỉnh về phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 2081/QĐ-UBND ngày 01/10/2024 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 khu vực vùng bãi ven sông Hồng, phía Bắc thành phố Hưng Yên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 282/BCTĐ-SXD ngày 27/6/2025.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Phê duyệt đề án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu vực vùng bãi ven sông Hồng, phía Bắc thành phố Hưng Yên (cũ), với những nội dung chính như sau:

**1. Tên đề án:** Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 khu vực vùng bãi ven sông Hồng, phía Bắc thành phố Hưng Yên (cũ).

**2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch:** UBND thành phố Hưng Yên (cũ).

**3. Mục tiêu lập đề án quy hoạch**

- Cụ thể hoá Đề án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên đến năm 2035.

- Quy hoạch xây dựng khu chức năng đô thị, dịch vụ, du lịch, nghỉ dưỡng có hệ thống hạ tầng dịch vụ đồng bộ, hiện đại; có giá trị cao về kiến trúc cảnh quan, hình thành các khu đô thị, khu dịch vụ kết hợp du lịch, nghỉ dưỡng đóng góp vào việc phát triển đô thị.

- Làm cơ sở triển khai lập các dự án đầu tư xây dựng, nâng cao hiệu quả sử

dụng đất và quản lý quy hoạch xây dựng trong khu vực.

#### 4. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch

Phạm vi ranh giới lập Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 khu vực vùng bãi ven sông Hồng, phía Bắc thành phố Hưng Yên (cũ), được thực hiện trên địa phận quản lý của các xã Phú Cường, xã Hùng Cường, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên (cũ), nay là phường Sơn Nam, tỉnh Hưng Yên và một phần xã Ngọc Thanh, huyện Kim Động (cũ), nay là phường Sơn Nam, tỉnh Hưng Yên. Giáp giới quy hoạch cụ thể như sau:

- Phía Bắc: Giáp huyện Kim Động (cũ), nay là xã Hiệp Cường;
- Phía Nam: Giáp đất canh tác;
- Phía Đông: Giáp đất canh tác, khu dân cư hiện trạng, đường tỉnh ĐT.378 và Quốc lộ 39;
- Phía Tây: Giáp hành lang sông Hồng.

#### 5. Quy mô

- Tổng diện tích khu đất nghiên cứu quy hoạch khoảng 1.130,56 ha;
- Dự báo dân số năm 2035: 56.000 người.

#### 6. Quy hoạch sử dụng đất

Cơ cấu sử dụng đất Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 khu vực vùng bãi ven sông Hồng, phía Bắc thành phố Hưng Yên (cũ) cụ thể như sau:

##### a. Quy hoạch các đơn vị ở, phân khu chức năng:

Khu vực nghiên cứu được chia thành 04 đơn vị ở gồm đơn vị ở I, đơn vị ở II, đơn vị ở III, đơn vị ở IV và một phân khu chức năng Thể dục thể thao (sân golf). Cụ thể như sau:

STT	Tên đơn vị ở	Ký hiệu đơn vị ở	Diện tích (ha)	Dân số dự báo đến năm 2035
1	Đơn vị ở số I	I	274,04	20.515
2	Đơn vị ở số II	II	143,40	14.335
3	Đơn vị ở số III	III	223,94	11.598
4	Đơn vị ở số IV	IV	229,77	9.552
5	Phân khu TDTT (sân golf)	TT	191,07	-
<b>TỔNG</b>				<b>56.000</b>

##### b. Quy hoạch sử dụng đất:

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất

TT	Chức năng sử dụng của ô đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	<b>Tổng diện tích đất (A) + (B)</b>		<b>1.130,56</b>	<b>100</b>
<b>A</b>	<b>Đất xây dựng đô thị</b>		<b>1.111,79</b>	<b>98,34</b>
1	Đất nhóm nhà ở		330,34	29,22
1.1	Đất nhóm nhà ở hiện trạng cải tạo	NOHT	226,26	20,01
1.2	Đất nhóm nhà ở quy hoạch mới	NO	104,08	9,21
2	Đất hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ	HH	10,69	0,94
3	Y tế	YT	0,76	0,07
-	Y tế đơn vị ở (Trạm y tế)		0,76	0,07
4	Văn hóa	VH	1,64	0,15
	Văn hóa đơn vị ở		1,64	0,15
5	Thể dục thể thao	TDTT	182,71	16,16
5.1	Thể dục thể thao cấp đô thị		177,16	15,67
5.2	Thể dục thể thao đơn vị ở		5,55	0,49
6	Giáo dục		14,77	1,31
a	Trường Mầm non	MG	4,86	0,43
b	Trường Tiểu học	TH	4,10	0,36
c	Trường THCS	THCS	4,15	0,37
d	Trường THPT	THPT	1,66	0,15
7	Cây xanh sử dụng công cộng		146,66	12,97
7.1	Cây xanh, mặt nước sử dụng công cộng cấp đô thị	CXCH	119,84	10,6
7.2	Cây xanh, mặt nước sử dụng công cộng đơn vị ở	CX	26,82	2,37
8	Cây xanh chuyên dụng	CXCL	28,00	2,48
9	Cơ quan, trụ sở	CQ	1,76	0,16
-	Cơ quan, trụ sở đơn vị ở		1,76	0,16
10	Khu dịch vụ (không bao gồm dịch vụ du lịch)		108,61	9,61
10.1	Khu dịch vụ cấp đô thị (Chợ trung tâm - Hỗn hợp không ở)	TMDVCH	106,54	9,42
10.2	Khu dịch vụ đơn vị ở (Chợ)	TMDV	2,07	0,18
11	Khu du lịch	DL	63,78	5,64
12	Di tích, tôn giáo	TG	5,01	0,44
13	An ninh	AN	0,19	0,02
14	Quốc phòng	QP	2,35	0,21
15	Đường giao thông		178,07	15,75
-	Giao thông đối ngoại, đường chính khu vực		129,31	11,44
-	Giao thông phân khu vực		48,76	4,31

16	Bãi đỗ xe	BDX	12,37	1,09
	<i>Bãi đỗ xe đơn vị ở</i>		<i>12,37</i>	<i>1,09</i>
17	Nghĩa trang (bao gồm nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng)	NT	9,44	0,83
	<i>Nghĩa trang đơn vị ở</i>		<i>9,44</i>	<i>0,83</i>
18	Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật khác	HTKT	14,64	1,29
	<i>Cấp đô thị</i>		<i>13,04</i>	<i>1,15</i>
	<i>Cấp đơn vị ở</i>		<i>1,60</i>	<i>0,14</i>
<b>B</b>	<b>Đất khu chức năng khác</b>		<b>18,77</b>	<b>1,66</b>
	Sông, suối, kênh, rạch	MN	18,77	1,66

## 7. Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan và phân khu chức năng

a) Yêu cầu về tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan: Yêu cầu về tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan: Không gian kiến trúc cảnh quan khu vực tuân thủ theo các viễn cảnh và nguyên tắc được đề ra. Theo đó, không gian kiến trúc cảnh quan được tạo lập dựa vào các cơ sở chủ yếu như sau:

- Tôn trọng cảnh quan tự nhiên, khai thác phát huy lợi thế cảnh quan tự nhiên, cây xanh mặt nước để nghiên cứu tổ chức không gian cảnh quan, mang tới hình ảnh đô thị hiện đại mang đậm bản sắc của thành phố Hưng Yên.

- Tổ hợp và hợp khối các công trình chức năng theo cụm và tuyến, đồng thời khéo léo kết hợp, sử dụng hiệu quả không gian cảnh quan kiến trúc có nhịp điệu phong phú, sinh động.

- Áp dụng các công nghệ, xu hướng kiến trúc hiện đại, xanh, thân thiện với môi trường trong tạo lập hình khối công trình. Bên cạnh đó là việc chú trọng bảo tồn các không gian sống đặc trưng của khu vực dân cư hiện hữu, gắn kết với hạ tầng đô thị mới.

- Tổ chức các không gian, tuyến không gian rõ ràng, có điểm nhấn và có đặc trưng riêng tạo nên mỹ quan đô thị đa dạng và phong phú.

b) Các tuyến, trục không gian chủ đạo, các công trình điểm nhấn:

- Tuyến – trục cảnh quan được phát triển theo các trục đường chính khu vực và trục phân khu vực, dẫn dắt hướng nhìn đến các khu vực chức năng và đến trung tâm khu vực là khu công viên – quảng trường – nhà ở dịch vụ shophouse – công trình hỗn hợp cao tầng. Không gian kiến trúc cảnh quan hai bên các tuyến đường trục chính đô thị như tuyến đường di sản và các tuyến giao thông khu vực có mặt cắt trên 36m được xác định là các trục không gian kiến trúc cảnh quan quan trọng, kết nối không gian giữa các khu vực chức năng trong và ngoài phân khu đô thị.

- Diện – mảng trong khu vực là các nhóm chức năng bố trí đan xen theo nhịp điệu tạo nên đặc trưng như: Mảng nhóm nhà liền kề, mảng nhóm nhà biệt thự, khu

dân cư hiện trạng chỉnh trang, nhóm công trình công cộng, nhóm công trình thương mại dịch vụ, nhóm du lịch – dịch vụ, nhóm chung cư nhà ở xã hội,...

- Phương án quy hoạch xác định khu vực cao tầng có điểm nhấn đô thị là công trình TMDV tại trung tâm khu vực quy hoạch. Tạo nên sự hấp dẫn và dẫn dắt thị giác, tạo sức thu hút mạnh cho khu vực. Cụm công trình hỗn hợp dịch vụ nhóm nhà ở với các công trình có chiều cao 15-25 tầng được xác định là các công trình điểm nhấn và các khu công viên cây xanh là những không gian mở, kết nối hài hòa cảnh quan thiên nhiên với các khu vực chức năng. Cùng với hệ thống mặt nước hồ cảnh quan là một yếu tố quan trọng trong không gian mở, giúp làm mát không khí, tăng cường độ ẩm và tạo ra những khung cảnh đẹp mắt.

- Tổ chức không gian cây xanh cảnh quan được chi làm 03 loại chính:

+ Khu cây xanh cách ly nhằm ngăn chặn bụi và giảm tiếng ồn, đảm bảo khoảng cách ly vệ sinh cho khu nghĩa trang cải tạo;

+ Khu cây xanh tập trung bố trí đều trong các chức năng, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng cũng như nâng cao chất lượng cuộc sống trong khu vực;

+ Khu cây xanh tập trung dọc theo trục đường.

Các khu chức năng được trình bày tại bản vẽ Sơ đồ tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan (QH-05).

## **8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật**

### *8.1. Giao thông:*

a). Giao thông đối ngoại:

- Tuyến đường kết nối di sản văn hóa du lịch – phát triển kinh tế dọc sông Hồng (Mặt cắt 1-1): là trục giao thông chính của phân khu cũng như toàn Huyện và thành phố Hưng Yên. Tuyến được tuân thủ hướng tuyến, mặt cắt theo dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt với tổng lộ giới 58m bao gồm phần đường xe chạy rộng 2x10,5m, đường gom rộng 2x8,0m, giải phân cách giữa rộng 6,0m, giải phân cách giữa đường chính và đường gom rộng 2,5m, vỉa hè 2 bên rộng 2x5m.

- Tuyến đường trục chính Bắc-Nam (Mặt cắt 2-2): là tuyến kết nối trục giao thông chính của phân khu. Quy mô xây dựng theo tiêu chuẩn đường cấp III lộ giới rộng 44,0m với bề rộng mặt đường 2x10,5m, giải phân cách giữa rộng 5,0m và vỉa hè rộng 2x9,0m.

- Tuyến đường trục chính Đông-Tây (Mặt cắt 3-3): Quy mô xây dựng theo tiêu chuẩn đường cấp III lộ giới rộng 34,0m với bề rộng mặt đường 2x10,5m, giải phân cách giữa rộng 3,0m và vỉa hè rộng 2x5,0m.

b). Giao thông đô thị:

- Mạng lưới đường được thiết kế từ đường cấp cao đến đường cấp thấp.

- Dựa trên các tuyến đường hiện trạng; các tuyến đường đã xây dựng trong các dự án và xây dựng thêm các tuyến đường chính khu vực, khu vực song song và vuông góc với đường chính đô thị, liên khu vực tạo nên mạng lưới đường dạng ô bàn cờ, kết hợp với mạng tam giác nhằm khai thác hiệu quả quỹ đất cũng như khả năng thông hành của mạng lưới giao thông.

- Quy mô một số tuyến đường cụ thể như sau:

Mặt cắt 3A-3A đảm bảo  $B_n=32,0m$ , lòng đường 20,0m; hè đường 10,0m; dải phân cách giữa 2,0m;

Mặt cắt 4-4 đảm bảo  $B_n=30,0m$ . lòng đường 15m; bề rộng hè đường 10,0m; dải phân cách giữa 5,0m;

Mặt cắt 5-5 đảm bảo  $B_n=24,0m$ ; lòng đường 14,0m, hè đường 10,0m;

Mặt cắt 6-6 đảm bảo  $B_n=15,5m$ ; lòng đường 7,5m, hè đường 8,0m.

c). Công trình đầu môi giao thông:

- Cầu đường bộ: Giữ nguyên, nâng cấp cầu hiện trạng theo các tuyến giao thông đường bộ, xây dựng lại cầu đã xuống cấp và hư hỏng phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông chung. Các cầu khác trong khu vực: cải tạo, xây dựng mới theo nguyên tắc phù hợp với yêu cầu của mạng lưới giao thông và các tiêu chí kinh tế - kỹ thuật khác.

- Bãi đỗ xe: Quy hoạch bãi đỗ xe tập trung với tổng diện tích 12,37 ha, đảm bảo đáp ứng đủ cho nhu cầu đỗ xe theo quy định đáp ứng nhu cầu đỗ xe của đô thị. Sử dụng giải pháp đỗ xe thông minh cao tầng, ngầm đáp ứng đủ nhu cầu đỗ xe của đô thị.

- Các bãi đỗ xe được bố trí tại các điểm công trình công cộng, khu công viên mở... Bãi đỗ xe nằm trong trong thành phần đất đơn vị ở được bố trí với bán kính phụ vụ 500m.

Mạng lưới quy hoạch giao thông và mặt cắt các tuyến đường khác được thể hiện tại Bản đồ quy hoạch giao thông và chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng (QH-06).

## 8.2. Chuẩn bị kỹ thuật:

a). Cao độ nền xây dựng: Cao độ nền xây dựng trong khu quy hoạch tuân thủ theo quy hoạch chung thành phố Hưng Yên, được duyệt: khu vực quy hoạch có cao độ nền  $\geq +6,5m$ .

b). Phương án thoát nước mưa: Hệ thống thoát nước mưa được thoát riêng với hệ thống thoát nước thải. Nước mưa của khu quy hoạch được thu gom và thoát vào hồ, kênh trong khu vực sau đó thoát ra sông Hồng. Được chia làm 02 lưu vực:

- Lưu vực 1: phía Bắc khu quy hoạch, nước mưa của lưu vực này được thoát vào các kênh trong lưu vực sau đó thoát ra sông Hồng.

- Lưu vực 2: phía Nam khu quy hoạch, nước mưa của lưu vực này được thoát vào hồ điều hòa trong lưu vực sau đó thoát ra sông Hồng.

Các chỉ tiêu san nền được thể hiện chi tiết tại Bản đồ quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật (QH-07).

### 8.3. Cấp điện và chiếu sáng:

#### a). cấp điện:

- Nguồn điện: Khu vực quy hoạch được cấp điện từ trạm 110KV Hưng Yên (E28.7) đặt tại phường An Tảo, thành phố Hưng Yên công suất 2x63MVA.

- Lưới điện cao thế: Lưới điện 500KV, 220KV, 110KV: Các đường dây 500KV từ TBA 500KV Hưng Yên (theo quy hoạch tỉnh) đặt tại phường Hùng Cường đi TBA 500KV Long Biên, và từ TBA 500kv Nghi Sơn đến; các đường dây 220KV từ TBA 220KV Hưng Yên đi TBA 220KV Đồng Văn và 220KV Phố Cao; các đường dây 110KV từ TBA 220KV Hưng Yên đi TBA 110KV Hưng Yên và đi TBA 110kv Kim Động 3.

Lưới điện chiếu sáng trong các khu dân cư được bố trí đi cùng cột với lưới điện hạ thế, sử dụng dây cáp vặn xoắn ABC tiết diện từ 6 – 10mm<sup>2</sup>, đường giao thông chính, khu vực trung tâm, khu du lịch, công viên công cộng dùng cáp ngầm sử dụng cáp ngầm XLPE tiết diện từ 10 – 25mm<sup>2</sup>. Lưới điện chiếu sáng phải đảm bảo mỹ quan đô thị và phải đảm bảo theo quy chuẩn QCVN 07-7:2016/BXD về hạ tầng chiếu sáng.

b). Chiếu sáng: Lưới điện chiếu sáng trong các khu dân cư được bố trí đi cùng cột với lưới điện hạ thế, sử dụng dây cáp vặn xoắn ABC tiết diện từ 6 – 10mm<sup>2</sup>, đường giao thông chính, khu vực trung tâm, khu du lịch, công viên công cộng dùng cáp ngầm sử dụng cáp ngầm XLPE tiết diện từ 10 - 25mm<sup>2</sup>. Lưới điện chiếu sáng phải đảm bảo mỹ quan đô thị và phải đảm bảo theo quy chuẩn QCVN 07-7:2016/BXD về hạ tầng chiếu sáng.

Mạng lưới cấp điện được thể hiện chi tiết tại Bản đồ quy hoạch cung cấp năng lượng và chiếu sáng (QH-08).

### 8.4. Thông tin liên lạc:

Mạng thông tin khu vực nghiên cứu trong giai đoạn tới sẽ được tổ chức thành các hệ thống riêng trên cơ sở hệ thống hiện có. Đảm nhiệm chức năng thoại, truyền hình, truyền số liệu và truy nhập Internet, và mạng truyền thanh/hình.

Phương án quy hoạch thông tin liên lạc thể hiện chi tiết Bản đồ quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động (QH-09).

#### 8.5. Cấp nước:

##### a). Nguồn nước và nhu cầu dùng nước:

- Nguồn nước: Theo quy hoạch chung thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên đến năm 2035 được duyệt, nước cấp cho khu vực quy hoạch được cấp từ các nhà máy nước sạch Phú Hưng có công suất giai đoạn năm 2025 và năm 2035 lần lượt là 5.000 m<sup>3</sup>/ng.đ – 15.000 m<sup>3</sup>/ng.đ. Và nhà máy nước sạch Hưng Yên 1 có công suất giai đoạn năm 2025 và năm 2035 lần lượt là 15.000 m<sup>3</sup>/ng.đ – 20.000 m<sup>3</sup>/ng.đ.

- Nhu cầu dùng nước: Lưu lượng cấp nước làm tròn: 13.700 m<sup>3</sup>/ngđ (có thể thay đổi theo thực tế nhu cầu dùng nước sinh hoạt, sản xuất theo từng khu vực, dự án cụ thể).

##### b). Giải pháp cấp nước:

- Mạng đường ống sinh hoạt được quy hoạch chung với mạng cấp nước chữa cháy. Các khu dân cư hiện trạng đã có mạng đường ống cấp nước cần phải cải tạo nâng cấp phù hợp với nhu cầu phát triển của mỗi khu vực, đảm bảo cung cấp đủ nước, liên tục và hạn chế rò rỉ. Các dự án đã và đang thực hiện trong khu vực quy hoạch, hệ thống cấp nước của các khu vực này tuân theo quy hoạch riêng đã được phê duyệt và đấu nối với mạng cấp nước quy hoạch.

- Cấp nước chữa cháy: Hệ thống cấp nước chữa cháy được quy hoạch chung với mạng cấp nước sinh hoạt. Hạng cứu hỏa được đặt trên các trục đường giao thông, khoảng cách giữa các hạng  $\leq 150\text{m}$ , cách mép vỉa hè không quá 2,5m.

Mạng lưới cấp nước được thể hiện chi tiết tại Bản đồ quy hoạch cấp nước (QH-10).

#### 8.6. Thoát nước thải – vệ sinh môi trường:

##### a). Phương án thoát nước thải:

- Đối với các khu đã có hệ thống thoát nước chung, xây dựng hệ thống công bao, giếng tách nước thu gom nước thải về trạm xử lý kết hợp với nâng cấp cải tạo đường cống.

- Đối với các khu vực xây dựng mới, mở rộng hoặc chưa có hệ thống thoát nước, xây dựng hệ thống thoát nước riêng dẫn nước thải về trạm xử lý.

##### b) Lưu lượng thoát nước thải:

Lưu lượng nước thải tính sinh hoạt bằng 80% lượng nước cấp.

Tổng lưu lượng nước thải toàn dự án giai đoạn 2035 (làm tròn):  $Q=7.400$  m<sup>3</sup>/ngđ.

c). Vệ sinh môi trường: Tổng lượng CTR giai đoạn năm 2035 phát sinh ước khoảng: 87,4 tấn/ngđ. Định hướng sẽ thu gom toàn bộ rác thải sinh hoạt trong khu vực quy hoạch về xử lý tập trung tại khu xử lý rác của khu vực.

Chiều dài, độ dốc và hướng thoát nước được thể hiện chi tiết tại Bản đồ quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường (QH-11).

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Chủ đầu tư lập quy hoạch chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu sử dụng đất để lập đề án quy hoạch; quy trình, quy cách lấy ý kiến của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan; Hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 khu vực vùng bãi ven sông Hồng, phía Bắc thành phố Hưng Yên (cũ) đảm bảo thống nhất với nội dung của Quyết định này, trình Sở Xây dựng đóng dấu thẩm định, lưu hồ sơ quy hoạch; phối hợp với chính quyền địa phương có liên quan triển khai công bố quy hoạch; tổ chức cắm mốc giới theo quy hoạch và quản lý hoạt động đầu tư xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

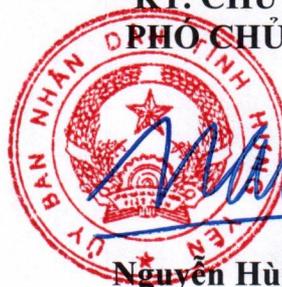
2. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, số liệu, nội dung tại Báo cáo thẩm định Đề án quy hoạch phân khu. Lưu trữ, lưu giữ hồ sơ quy hoạch được duyệt theo quy định của pháp luật. Giao Sở Xây dựng theo quy định chức năng, nhiệm vụ, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện đề án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 khu vực vùng bãi ven sông Hồng, phía Bắc thành phố Hưng Yên (cũ) được duyệt tuân thủ đúng quy định pháp luật.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Công thương; Chủ tịch UBND phường Sơn Nam và thủ trưởng các cơ quan có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

### **Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Chủ tịch; các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KT1<sup>P</sup>.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hùng Nam**